

DOI: <https://doi.org/10.59294/HIUJS.KHTT.2026.033>

## THỰC TRẠNG TUÂN THỦ QUY ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ THANH KHOẢN VÀ NGUỒN VỐN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Vương Cao Anh Nhân, Huỳnh Mỹ Tiên\*

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

### TÓM TẮT

Trong bối cảnh hệ thống ngân hàng Việt Nam đang từng bước tiệm cận các chuẩn mực quốc tế, việc đánh giá mức độ tuân thủ các quy định về quản lý thanh khoản và nguồn vốn có ý nghĩa quan trọng đối với sự ổn định tài chính. Nghiên cứu này phân tích thực trạng tuân thủ các quy định pháp lý về thanh khoản và nguồn vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (VietinBank) giai đoạn 2022 - 2025. Với phương pháp nghiên cứu định tính, nhóm tác giả tổng hợp dữ liệu thứ cấp từ báo cáo tài chính và các quy định của Ngân hàng Nhà nước, sau đó phân tích, so sánh và đối chiếu với Basel II và Basel III. Kết quả cho thấy VietinBank duy trì tỷ lệ an toàn vốn ở mức 8.98 - 10.29%, cao hơn ngưỡng tối thiểu 8%, phản ánh nền tảng vốn ổn định. Tuy nhiên, tỷ lệ dư nợ cho vay trên tiền gửi tăng từ 102.05% lên 111.07%, vượt ngưỡng 85%, cho thấy áp lực thanh khoản gia tăng. Ngược lại, tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn cải thiện từ 19.49% lên 25.22%, góp phần nâng cao chất lượng nguồn vốn, trong khi tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn duy trì trong ngưỡng an toàn (nhỏ hơn 30%), phản ánh khả năng kiểm soát rủi ro kỳ hạn tốt. Từ đó cho thấy mặc dù cơ bản tuân thủ quy định, một ngân hàng thuộc nhóm "Big4" ngân hàng lớn nhất Việt Nam như VietinBank vẫn đối mặt với rủi ro thanh khoản tiềm ẩn, đặt ra yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị tài sản - nguồn vốn nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững theo tinh thần của Nghị quyết số 136/NQ-CP của Chính phủ ban hành ngày 25 tháng 9 năm 2020.

**Từ khóa:** thanh khoản, quản lý nguồn vốn, VietinBank

## REGULATION COMPLIANCE IN LIQUIDITY AND CAPITAL MANAGEMENT: THE CASE OF VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE

Vuong Cao Anh Nhan, Huynh My Tien

### ABSTRACT

Vietnam's banking system is gradually approaching international standards. The assessment of compliance level with regulations on liquidity and capital management is crucial for financial stability. The authors use a qualitative method to analyze and evaluate the current state of VietinBank's compliance during the period of 2022-2025. The results reveal that VietinBank complies well with The State Bank of Vietnam and Basel. However, VietinBank has still faced potential liquidity risks, which belong to the "Big 4" in Vietnam. Improvement in the efficiency of capital management to achieve sustainable development goals in accordance with Resolution on sustainable development the government No.136/NQ-CP issued on September 25, 2020, therefore.

**Keywords:** liquidity, capital management, VietinBank

\* Tác giả liên hệ: Huỳnh Mỹ Tiên, Email: [tienhm@hiu.vn](mailto:tienhm@hiu.vn)

(Ngày nhận bài: 10/3/2026; Ngày nhận bản sửa: 27/3/2026; Ngày duyệt đăng: 01/4/2026)

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nền kinh tế thế giới những năm qua phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường. Từ 2022 đến nay, lạm phát toàn cầu trải qua giai đoạn lập đỉnh (8% vào năm 2022) [1] do giá năng lượng, lương thực tăng đột biến bởi xung đột Nga-Ukraina và chuỗi cung ứng gián đoạn bởi hậu quả kéo dài từ đại dịch COVID-19. Sau đó, lạm phát có dấu hiệu hạ nhiệt dần vào năm 2023 (5.9%) nhờ chính sách thắt chặt tiền tệ và ổn định giá năng lượng. Năm 2024 cho thấy lạm phát có xu hướng tiếp tục giảm nhưng chậm, nhiều nền kinh tế vẫn chưa thể vượt qua áp lực chi phí sinh hoạt cao. Các ngân hàng trung ương trên thế giới tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thận trọng, thể hiện qua hành động tăng lãi suất. Tuy vậy, Việt Nam vẫn kiểm soát lạm phát bình quân ở mức 3.15%, tăng nhẹ vào năm 2023 và 2024, nhưng vẫn dưới 4.5%, cho thấy sự phối hợp nhịp nhàng giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa nhằm duy trì ổn định kinh tế vĩ mô. Thành công này đến từ việc điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường tại từng thời điểm để đưa ra các giải pháp phù hợp của Ngân hàng Nhà nước (NHNN).

Thế nhưng, lạm phát toàn cầu vẫn ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến chỉ số giá tiêu dùng trong nước. Vì Việt Nam là nền kinh tế mở, chịu “lạm phát nhập khẩu” qua giá nguyên liệu đầu vào tăng, chi phí vận chuyển tăng và áp lực tỷ giá và lãi suất. Điều này tạo ra thách thức rất lớn cho các ngân hàng thương mại, vì: (1) làm tăng chi phí huy động vốn của các ngân hàng thương mại; (2) làm giảm nhu cầu vay của doanh nghiệp và cá nhân; (3) làm giảm khả năng trả nợ của khách hàng khiến gia tăng nguy cơ nợ xấu của ngân hàng; (4) làm thu hẹp biên lợi nhuận thuần của ngân hàng; (5) làm tăng chi phí vận hành thường xuyên của hệ thống ngân hàng; (6) làm tăng áp lực thanh khoản cho ngân hàng vì nguồn vốn huy động từ người dân khó ổn định hơn.

Vì thế, thanh khoản ngân hàng là yếu tố then chốt đảm bảo an toàn và ổn định hoạt động, đặc biệt trong bối cảnh các ngân hàng Việt Nam tiệm cận với các bộ tiêu chuẩn quốc tế về quản trị rủi ro ngân hàng. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 136/NQ-CP của Chính phủ ban hành ngày 25 tháng 09 năm 2020 về phát triển bền vững đến năm 2030 yêu cầu tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững, đặc biệt nhấn mạnh tài chính xanh, kinh tế tuần hoàn và quản lý rủi ro môi trường - xã hội vào hoạt động tín dụng, huy động vốn và quản trị rủi ro của các ngân hàng. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (VietinBank) nổi bật với việc đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện với khoảng 63% nghiệp vụ ngân hàng trọng yếu được số hóa, kiểm soát chặt chẽ nợ xấu với tỷ lệ dự phòng bao phủ nợ xấu luôn nằm trong nhóm cao nhất hệ thống ngân hàng, đạt 171.7% vào năm 2024 [2]. Việc phân tích các chỉ tiêu thanh khoản và nguồn vốn của VietinBank, phân tích xu hướng biến động các chỉ tiêu trong giai đoạn 2022-2025 và đánh giá mức độ tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước nhằm rút ra bài học kinh nghiệm cho các ngân hàng khác trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam.

## 2. CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Các ngân hàng thương mại tại Việt Nam được yêu cầu tuân thủ quy định của NHNN về mức độ an toàn vốn, kiểm soát rủi ro và minh bạch thông tin. Cụ thể là Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Thông tư 41/2016/TT-NHNN có hiệu lực từ 01/01/2020 là bước ngoặt quan trọng, áp dụng chuẩn mực Basel II vào ngân hàng Việt Nam, yêu cầu nâng cao tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8%, yêu cầu tính toán chặt chẽ vốn tự có, rủi ro tín dụng, thị trường, hoạt động và nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ về tỷ lệ an toàn vốn, cơ cấu vốn và quản lý rủi ro thị trường. Theo Basel II, ba trụ cột rủi ro quan trọng gồm rủi ro tín dụng (nhấn mạnh việc phân loại tài sản rủi ro), rủi ro hoạt động (nhấn mạnh phương thức xác định rủi ro do khách quan hay chủ quan) và rủi ro thị trường (nhấn mạnh trạng thái ngoại hối rỗng để tính toán vốn cho rủi ro ngoại hối). Thông tư này đặc biệt quan trọng đối với ngân hàng vì nó giúp ngân hàng nâng cao sức chống chịu với rủi ro, tiệm cận các thông lệ quốc tế.

Vào cuối năm 2019, Thông tư 22/2019/TT-NHNN ra đời, có hiệu lực từ ngày 01/01/2020, quy định rõ các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng Việt Nam. Điểm nhấn quan trọng là thắt chặt kiểm soát rủi ro, giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn, nâng cao tiêu chuẩn an toàn vốn và hạn chế cấp tín dụng, nhằm giữ cho hệ thống ngân hàng được ổn định, phát

triển lâu dài. Theo thông tư, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn giảm dần từng năm, bãi bỏ mức 40% cố định như trước, do đó, các ngân hàng phải cơ cấu lại nguồn vốn, giảm rủi ro thanh khoản. Ngoài ra, Thông tư quy định chặt chẽ về tỷ lệ dự trữ thanh khoản và tỷ lệ khả năng chi trả hàng ngày để đảm bảo nguồn vốn ngân hàng luôn trong trạng thái sẵn sàng tham gia vào hoạt động kinh doanh, có đủ tiền mặt và có tài sản mang tính thanh khoản cao. Đứng về góc độ ngân hàng, Thông tư này tạo áp lực lớn lên những ngân hàng đang có tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn. Đứng về góc độ quản lý của NHNN, Thông tư này giúp hệ thống tài chính lành mạnh, bền vững hơn và hạn chế rủi ro tập trung.

Đến cuối năm 2023, NHNN ban hành Thông tư 22/2023/TT-NHNN, có hiệu lực từ ngày 01/04/2024, sửa đổi, bổ sung Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Trong đó, Thông tư nhấn mạnh về việc điều chỉnh phương pháp tính rủi ro tín dụng và rủi ro thị trường, nhằm nâng cao an toàn vốn, đặc biệt áp dụng trọng số rủi ro thấp cho các khoản vay mua nhà ở xã hội, nhà ở thương mại giá rẻ và hỗ trợ tín dụng bất động sản. Không những thế, Thông tư yêu cầu ngân hàng làm rõ trạng thái rủi ro, siết chặt quản lý sổ kinh doanh.

Thông tư 26/2022/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 22/2019/TT-NHNN về giới hạn an toàn hoạt động ngân hàng, trọng tâm là điều chỉnh phương pháp tính tỷ lệ dư nợ cho vay so với tiền gửi, nghĩa là loại bỏ tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước ra khỏi nguồn vốn khi tính tỷ lệ này, nhằm siết chặt thanh khoản, tăng độ bền vững cho hệ thống ngân hàng. Cách tính mới được áp dụng chính thức từ 01/01/2026.

Tóm lại, các văn bản luật này chi phối sâu đậm đến hoạt động của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Các ngân hàng thuộc tốp đầu của hệ thống ngân hàng càng phải tuân thủ để giúp hệ thống ngân hàng phát triển bền vững. Do vậy, việc đánh giá và phân tích thực trạng tuân thủ quy định trong thanh khoản và quản lý nguồn vốn đối với một trong bốn ngân hàng có vốn Nhà nước lớn nhất Việt Nam - VietinBank - trở nên quan trọng, là tấm gương phản chiếu giữa việc hiện thực hóa các văn bản quy định và thành tựu phát triển của ngân hàng trong suốt thời gian qua.

### 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là việc tuân thủ các quy định trong quản lý thanh khoản và nguồn vốn tại ngân hàng thương mại. Các chỉ tiêu được sử dụng phân tích là những chỉ tiêu về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động mà các ngân hàng phải thường xuyên duy trì. Đây là phạm vi nghiên cứu về nội dung của đề tài, bao gồm các biến phản ánh thanh khoản và nguồn vốn như tỷ lệ an toàn vốn (CAR), tỷ lệ dư nợ cho vay trên tiền gửi (LDR), tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) và tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn, đồng thời được đối chiếu với các quy định của Ngân hàng Nhà nước và chuẩn mực Basel II, Basel III nhằm đảm bảo tính phù hợp cho mục tiêu nghiên cứu.

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ các báo cáo tài chính đã kiểm toán và báo cáo thường niên của VietinBank, Vietcombank và BIDV trong giai đoạn 2022 - 2025, đảm bảo tính đầy đủ, nhất quán và công khai trên trang điện tử của ngân hàng. Do đó, các tài liệu nghiên cứu này đảm bảo tính xác thực (tài liệu có thực), tính tin cậy (số liệu do ngân hàng tính toán và đã được kiểm toán), tính đại diện (phản ánh toàn bộ quá trình kinh doanh của ngân hàng) và có ý nghĩa (nội dung tài liệu rõ ràng, minh bạch và công khai).

Nhóm tác giả chọn VietinBank là khách thể nghiên cứu vì VietinBank là ngân hàng thể hiện rõ nét nhất sự điều chỉnh chiến lược trong mối quan hệ giữa tăng trưởng, an toàn vốn và thanh khoản. Cụ thể, ngân hàng vẫn duy trì tỷ lệ CAR trong khoảng 8.98%-9.54%, đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và Thông tư 22/2023/TT-NHNN, đồng thời ghi nhận tỷ lệ LDR tăng từ 102.05% lên 117.07%, phản ánh áp lực thanh khoản trong quá trình mở rộng tín dụng. Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là VietinBank không chỉ dừng lại ở tăng trưởng quy mô mà còn có sự cải thiện rõ rệt về chất lượng nguồn vốn khi tỷ lệ CASA tăng liên tục từ 19.49% lên 25.22%. So với Vietcombank

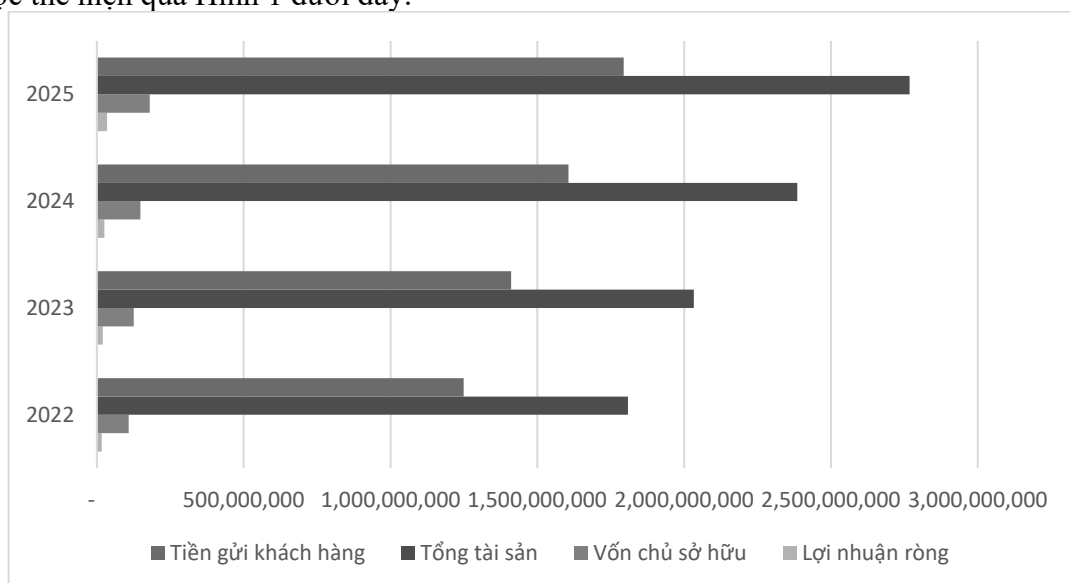
- ngân hàng duy trì mức độ an toàn cao và BIDV - ngân hàng theo đuổi tăng trưởng nhanh nhưng chịu áp lực thanh khoản lớn, VietinBank cho thấy sự dịch chuyển theo hướng cân đối hơn giữa các mục tiêu tài chính. Chính sự kết hợp giữa tăng trưởng ổn định, cải thiện cấu trúc nguồn vốn và khả năng thích ứng với yêu cầu quản trị rủi ro đã giúp VietinBank trở thành trường hợp nghiên cứu có giá trị thực tiễn cao, đồng thời thể hiện rõ hơn xu hướng vận động của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi theo Basel II.

### 3.2. Phương pháp xử lý số liệu

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp nghiên cứu định tính thông qua phương pháp phân tích theo chiều ngang và chiều dọc đối với dữ liệu thứ cấp để đánh giá thực trạng thanh khoản và nguồn vốn tại VietinBank trong giai đoạn 2022 - 2025. Các chỉ tiêu được phân tích bao gồm CAR, LDR, CASA và tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn. Các chỉ tiêu này được tính toán theo hướng dẫn của Thông tư 41/2016/TT-NHNN, Thông tư 22/2023/TT-NHNH, Thông tư 22/2019/TT-NHNN và Thông tư 26/2022/TT-NHNH.

## 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Trong giai đoạn 2022 - 2025, các chỉ tiêu hoạt động của VietinBank nhìn chung tăng trưởng ổn định, thể hiện qua sự gia tăng của lợi nhuận ròng, vốn chủ sở hữu, tổng tài sản, tiền gửi khách hàng. Điều này được thể hiện qua Hình 1 dưới đây.



**Hình 1.** Một số chỉ tiêu hoạt động của VietinBank giai đoạn 2022 - 2025  
Đơn vị: Triệu đồng

Bên cạnh đó, CASA tăng từ 19.49% (2022) lên 22.04% (2023), đạt 23.86% (2024) và tiếp tục tăng thêm gần 1.4 % nên đạt 25.22% (2025). Tiền gửi có kỳ hạn (TGCKH) duy trì tỷ trọng lớn, từ 999,060,030 triệu đồng năm 2022 tăng lên 1,348,223,355 triệu đồng, trong khi tiền gửi không kỳ hạn (TGKKH) chiếm tỷ trọng nhỏ hơn cũng có xu hướng tăng dần từ 243,525,291 triệu đồng lên đến 445,508,702 triệu đồng, làm cho tổng tiền gửi khách hàng tăng từ 1,249,176,034 triệu đồng lên 1,606,316,685 triệu đồng trong giai đoạn 2022 - 2025. Điều này thể hiện rõ trong Bảng 1.

**Bảng 1.** Cơ cấu tiền gửi và CASA của VietinBank giai đoạn 2022 - 2025

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025
Tiền gửi không kỳ hạn (triệu đồng)	243,525,291	310,918,934	383,283,642	445,508,702
Tiền gửi có kỳ hạn (triệu đồng)	999,060,030	1,092,787,812	1,207,204,483	1,348,223,355

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025
Tổng tiền gửi khách hàng (triệu đồng)	1,249,176,034	1,410,899,038	1,606,316,685	1,793,732,057
CASA (%)	19.49	22.04	23.86	25.22

Điểm đáng chú ý là các chỉ tiêu an toàn thanh khoản của VietinBank giai đoạn 2022 - 2025, được thể hiện trong Bảng 2. Bảng 2 thể hiện CAR duy trì trên mức tối thiểu 8% (luôn cao hơn mức quy định của NHNN), LDR vượt ngưỡng 85% và tăng dần theo thời gian (chưa đáp ứng quy định của NNHN), tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn giảm từ 25.70% (2022) xuống 20.60% (2023) rồi tăng nhẹ lên 22.20% (2024) và tiếp tục tăng thêm 1.3% vào năm 2025 (23.50%) nhưng vẫn nằm trong giới hạn 30% (đảm bảo tuân thủ theo quy định của NHNN). Từ đó cho thấy VietinBank có đủ vốn tự có để hấp thụ rủi ro, tối ưu hóa lợi nhuận thông qua hoạt động tín dụng và giữ vững uy tín trong hệ thống ngân hàng, nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro thanh khoản.

**Bảng 2.** Các chỉ tiêu an toàn thanh khoản của VietinBank giai đoạn 2022 - 2025

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025	Quy định NHNN
CAR	8.98	9.31	9.54	10.29	$\geq 8$
LDR	102.05	104.43	107.20	111.07	$\leq 85$
Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	25.70	20.60	22.20	23.50	$\leq 30$

Đơn vị: %

Bảng 3 cho thấy tổng tài sản của ngân hàng năm 2023 tăng 12.40% so với năm 2022. Mức tăng của tổng tài sản năm 2024 so với năm 2023 cao hơn 4.95% mức tăng của tổng tài sản năm 2023 so với năm 2022, nhưng mức tăng của tổng tài sản năm 2025 so với năm 2024 thấp hơn 1.2% mức tăng của tổng tài sản năm 2024 so với năm 2023. Dù mức tăng có giảm đi không đáng kể nhưng cũng phản ảnh quy mô hoạt động của ngân hàng bị thu hẹp, sức chống chịu rủi ro có phần giảm đi. Nguyên nhân có thể xuất phát từ tín dụng tăng trưởng chậm, hoặc chất lượng tài sản suy giảm (nợ xấu của VietinBank tăng trung bình 8.48%). Nợ xấu gia tăng sẽ gây áp lực lên lợi nhuận vì trích lập dự phòng tăng, từ đó ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của tổng tài sản.

Ngoài ra, tiền gửi của khách hàng có xu hướng tăng qua các năm, mức tăng của tiền gửi khách hàng năm 2024 so với năm 2023 cao hơn gần 1% mức tăng tiền gửi khách hàng năm 2023 so với năm 2022, nhưng mức tăng của tiền gửi khách hàng năm 2025 so với năm 2024 giảm đến 2.18% mức tăng tiền gửi khách hàng năm 2024 so với năm 2023. Tuy vậy, tính đến cuối quý II/2025, VietinBank thu hút hơn 1.77 triệu tỷ, đứng trước Vietcombank (1,61 triệu tỷ) và xếp sau BIDV (2 triệu tỷ).

Tuy nhiên, mức tăng TGKKH năm 2024 so với năm 2023 thấp hơn 4.39% mức tăng TGKKH năm 2023 so với năm 2022 và mức tăng TGKKH năm 2025 so với năm 2024 thấp hơn 7.03% mức tăng TGKKH năm 2024 so với năm 2023. Nhìn chung TGKKH năm 2025 của toàn hệ thống đều giảm so với 2024, nhưng Vietcombank vẫn dẫn đầu (34.22%), VietinBank xếp thứ 2 (25.22%) trong nhóm "Big 4".

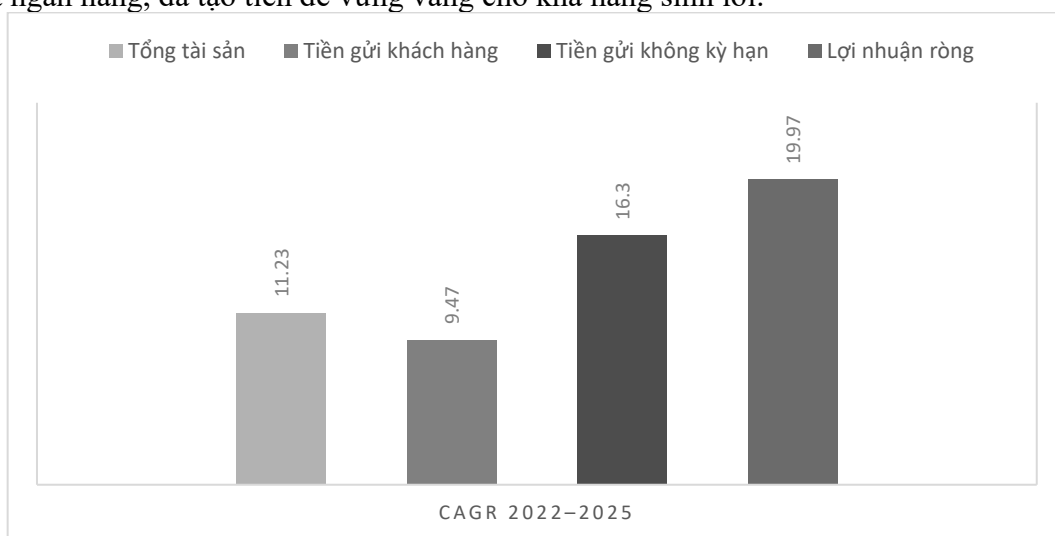
**Bảng 3.** Tốc độ tăng trưởng của VietinBank trong giai đoạn 2022 - 2025

Chỉ tiêu	2023/2022	2024/2023	2025/2024
Tổng tài sản	12.40	17.35	16.03
Tiền gửi khách hàng	12.94	13.85	11.67
Tiền gửi không kỳ hạn	27.66	23.27	16.24

Đơn vị: %

Hình 2 chỉ ra tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) về tổng tài sản đạt 11.23%, cao hơn tốc độ tăng tiền

gửi khách hàng (9.47%), cho thấy xu hướng mở rộng quy mô nhanh hơn khả năng huy động vốn; trong khi đó, TGKKH đạt mức tăng trưởng (16.30%) và lợi nhuận ròng đạt mức tăng trưởng cao nhất (19.97%), phản ánh sự cải thiện rõ rệt về chất lượng nguồn vốn và khả năng huy động vốn chi phí thấp của ngân hàng, đã tạo tiền đề vững vàng cho khả năng sinh lời.



**Hình 2.** Tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) của VietinBank giai đoạn 2022 - 2025  
Đơn vị: %

Bảng 4 cho thấy sự khác biệt rõ rệt về cấu trúc nguồn vốn giữa các ngân hàng. Vietcombank là ngân hàng có CAR cao nhất và duy trì tăng đều, đáng chú ý là CAR năm 2024 và năm 2025 đều cao hơn 4% so với quy định của NHNN. Đứng thứ nhì là VietinBank, CAR từ năm 2023 đến 2025 đều cao từ 1.31% đến 2.29% so với quy định của NHNN. BIDV có CAR cao hơn khoảng 1% so với quy định của NHNN, CAR năm 2025 có giảm nhẹ 0.13% so với năm 2024.

**Bảng 4.** So sánh đặc điểm tài chính và cấu trúc nguồn vốn của các ngân hàng trong mẫu nghiên cứu giai đoạn 2022 - 2025

Ngân hàng	2022	2023	2024	2025
BIDV	CAR: 9.34	CAR: 9.18	CAR: 9.03	CAR: 8.90
	LDR: 103.30	LDR: 104.28	LDR: 105.27	LDR: 106.75
	CASA: 18.36	CASA: 19.60	CASA: 19.47	CASA: 21.36
VietinBank	CAR: 8.98	CAR: 9.31	CAR: 9.54	CAR: 10.29
	LDR: 102.05	LDR: 104.43	LDR: 107.20	LDR: 111.07
	CASA: 19.49	CASA: 22.04	CASA: 23.86	CASA: 25.22
Vietcombank	CAR: 9.95	CAR: 11.39	CAR: 12.16	CAR: 12.01
	LDR: 92.09	LDR: 91.02	LDR: 95.68	LDR: 100.06
	CASA: 32.34	CASA: 33.06	CASA: 34.97	CASA: 34.32

Đơn vị: %

Bên cạnh đó, Vietcombank duy trì CASA cao nhất, tăng từ 32.34% năm 2022 lên 34.97% năm 2024, giảm nhẹ còn 34.32% năm 2025, thể hiện lợi thế vượt trội về nguồn vốn chi phí thấp, đồng thời duy trì mức thanh khoản an toàn phản ánh chiến lược tăng trưởng thận trọng nhưng hiệu quả. Trong khi đó, VietinBank ghi nhận sự cải thiện đáng kể về CASA từ 19.49% năm 2022 lên 23.86% năm 2024, tiếp tục tăng đến 25.22% năm 2025, cho thấy xu hướng nâng cao chất lượng nguồn vốn. Ngược lại, BIDV duy trì CASA ở mức thấp hơn (18.36 - 21.36%), phản ánh hạn chế trong việc tối ưu hóa chi phí vốn. Tuy nhiên, đối với VietinBank, sự kết hợp giữa tăng trưởng ổn định và cải thiện CASA cho thấy ngân hàng đang chuyển dịch theo hướng cân bằng giữa mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả nguồn vốn.

Xét về khía cạnh thanh khoản, cả ba ngân hàng đều có LDR vượt 100% vào năm 2025. Vietcombank vẫn nổi bật với mức vượt thấp nhất 0.06% trong “Big 4”. VietinBank có LDR cao nhất (111.07%), cao hơn Vietcombank 11.01% và cao hơn BIDV 4.32%. Điều này cho thấy VietinBank đang đối mặt với rủi ro thanh khoản do tăng trưởng nóng cùng với chi phí vốn tăng làm ảnh hưởng đến lợi nhuận dài hạn. Đây cũng là dấu hiệu cảnh báo cần kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng.

Tóm lại BIDV, VietinBank và Vietcombank đều duy trì quy mô lớn và tăng trưởng ổn định trong giai đoạn 2022 - 2025, nhưng có sự khác biệt về chiến lược hoạt động. Cả ba ngân hàng đều đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và Thông tư 22/2023/TT-NHNN, trong đó Vietcombank có mức độ an toàn cao nhất, còn VietinBank ở mức trung bình. Về thanh khoản, VietinBank và BIDV có LDR trên 100%, phản ánh áp lực thanh khoản trong bối cảnh yêu cầu đảm bảo khả năng chi trả theo Thông tư 22/2019/TT-NHNN và Thông tư 26/2022/TT-NHNN. Xét về cấu trúc nguồn vốn, Vietcombank có lợi thế về CASA, trong khi VietinBank cải thiện rõ rệt qua các năm, cho thấy xu hướng nâng cao chất lượng nguồn vốn. Tổng hợp các yếu tố cho thấy VietinBank là ngân hàng có sự cân bằng giữa tăng trưởng, an toàn và hiệu quả, đồng thời phản ánh rõ đặc trưng của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi theo Basel II.

Nhóm tác giả kế thừa kết quả nghiên cứu của T.H. Vu (2024) [3] vẽ lại bức tranh toàn cảnh về mức độ an toàn vốn và khả năng sinh lời giữa các ngân hàng trong nhóm “Big 4” trong giai đoạn 2015-2022, thể hiện qua Bảng 5.

**Bảng 5.** So sánh các chỉ tiêu an toàn vốn và khả năng sinh lời giữa các ngân hàng trong giai đoạn 2015 - 2022 [3]

Ngân hàng	CAP	CR	NIM	LCR
BIDV	0.0476	0.0158	0.0269	6.7295
VietinBank	0.0648	0.0149	0.0269	6.7028
Vietcombank	0.0688	0.0211	0.0284	9.9558

Bảng 5 chỉ ra tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản (CAP) của VietinBank cao hơn 0.02 lần so với BIDV và thấp hơn VCB rất ít (0.004 lần), cho thấy sức mạnh vốn và mức độ ổn định tổng thể của VietinBank cao. Xét về hoạt động tín dụng, VietinBank đã kiểm soát rủi ro tín dụng tốt hơn BIDV và Vietcombank. Điều này được thể hiện qua tỷ lệ dự phòng tổn thất cho vay trên tổng dư nợ (CR). Xét về khả năng sinh lời, VietinBank bộc lộ khả năng tạo ra lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cốt lõi khá tốt, quản lý tốt chất lượng tài sản sinh lãi, có khả năng duy trì tăng trưởng lợi nhuận bền vững.

Điều 15 của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN, quy định về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định rõ các ngân hàng phải duy trì tỷ lệ khả năng thanh toán trong 30 ngày (LCR) tối thiểu 50% đối với đồng tiền Việt Nam và 10% đối với ngoại tệ. Xét theo chuẩn Basel III, Thông tư này cũng quy định rõ tỷ trọng tài sản có tính thanh khoản cao khi tính LCR là 100% đồng tiền Việt Nam. VietinBank có LCR thấp nhất, nhưng chỉ kém BIDV 0.03 lần, cho thấy áp lực thanh khoản không hề nhỏ của ngân hàng trong bối cảnh thị trường căng thẳng.

## 5. KẾT LUẬN

Xét về tổng thể, VietinBank không chỉ phản ánh những đặc trưng điển hình của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn tiệm cận Basel II, mà còn cho thấy xu hướng tái cấu trúc chiến lược theo hướng hài hòa giữa tăng trưởng quy mô và nâng cao chất lượng nguồn vốn. So với Vietcombank - định vị theo chiến lược an toàn và BIDV - theo đuổi tăng trưởng cao, VietinBank nổi bật ở khả năng đồng thời cải thiện mạnh CASA trong khi vẫn duy trì mức tăng trưởng về tổng tài sản và lợi nhuận ròng ổn định. Điều này phản ánh năng lực điều tiết nội tại và thích ứng chiến lược linh hoạt trong bối cảnh áp lực thanh khoản gia tăng. Sự kết hợp giữa tính đại diện của hệ thống và động lực cải thiện nội sinh giúp VietinBank trở thành ngân hàng có giá trị phân tích nổi trội hơn so với các

ngân hàng còn lại trong nhóm “Big 4”, qua đó xứng đáng được lựa chọn làm trường hợp nghiên cứu điển hình.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra VietinBank duy trì CAR cao hơn mức tối thiểu 8% theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và Thông tư 22/2023/TT-NHNN, đồng thời có sự cải thiện đáng kể trong cơ cấu nguồn vốn thông qua việc gia tăng tỷ lệ CASA. Sự ra đời của Thông tư 14/2025/TT-NHNN tạo thêm sức ép rất lớn về CAR đối với toàn hệ thống ngân hàng. Thông tư được ban hành vào ngày 30/6/2025, có hiệu lực vào ngày 15/9/2025, nhưng chính thức áp dụng đối với CAR từ 01/01/2030. Theo Thông tư, các ngân hàng thương mại không chỉ đảm bảo CAR tối thiểu là 8% mà còn phải duy trì tỷ lệ vốn lõi cấp 1 tối thiểu là 4.5% và tỷ lệ vốn cấp 1 tối thiểu là 6%. Do đó, VietinBank cần rà soát cấu phần vốn lõi cấp 1 và các khoản giảm trừ khỏi vốn lõi cấp 1, vốn bổ sung vốn cấp 1 và các khoản giảm trừ khỏi vốn cấp 1; xây dựng kế hoạch bổ sung vốn góp và các quỹ bổ sung vốn, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng; xây dựng kế hoạch phát hành các công cụ bổ sung vốn cấp 1 như trái phiếu vĩnh cửu, cổ phiếu ưu đãi, trái phiếu chuyển đổi. VietinBank cần chú trọng chất lượng và sự lành mạnh của cấu trúc vốn tự có hơn là quan tâm đến tổng giá trị vốn.

Ngoài ra, việc LDR duy trì trên 100% cho thấy ngân hàng vẫn chịu áp lực thanh khoản trong bối cảnh yêu cầu về khả năng chi trả ngắn hạn theo Thông tư 22/2019/TT-NHNN và Thông tư 26/2022/TT-NHNN ngày càng chặt chẽ. Từ đó, có thể thấy rằng VietinBank cần tiếp tục củng cố năng lực vốn, đồng thời đẩy mạnh phát triển nguồn vốn chi phí thấp nhằm giảm áp lực chi phí huy động. Bên cạnh đó, ngân hàng cần nâng cao hiệu quả quản trị tài sản-nguồn vốn, đặc biệt trong việc kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng gắn với khả năng thanh khoản, nhằm đảm bảo sự cân đối giữa mục tiêu mở rộng hoạt động và duy trì an toàn hệ thống, hướng tới phát triển bền vững theo các chuẩn mực Basel II và Basel III.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai Basel III vào hệ thống ngân hàng Việt Nam, các ngân hàng thương mại sẽ phải đối mặt với những thách thức về nguồn vốn để đảm bảo an toàn; chịu áp lực về tính toán các mức đệm dự phòng theo chuẩn mực mới, chuyển đổi cấu trúc nguồn vốn và xây dựng dữ liệu định lượng chất lượng cao để phục vụ cho việc kiểm soát tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng. Do vậy, NHNN cần xem xét điều chỉnh lộ trình triển khai Basel III nhằm hỗ trợ các ngân hàng có thể chủ động xin phê duyệt và sớm triển khai phương pháp xếp hạng tín dụng nội bộ khi các ngân hàng đáp ứng đủ yêu cầu về hạ tầng dữ liệu theo Điều 7 của Thông tư 14/2025/TT-NHNN. Phương pháp xếp hạng tín dụng nội bộ cho phép ngân hàng chủ động sử dụng mô hình riêng để ước tính các tham số rủi ro khi tính toán tài sản có rủi ro và tỷ lệ an toàn vốn, từ đó tối ưu hóa vốn, tạo dư địa tăng trưởng tín dụng mà vẫn an toàn, giúp nâng cao vị thế và uy tín của ngân hàng trên thị trường quốc tế. Ngoài ra, NHNN cần: (1) sớm ban hành các khuôn khổ pháp lý về việc khai thác và sử dụng dữ liệu để phục vụ cho việc xây dựng mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ, (2) thiết kế và công khai bộ tiêu chuẩn đánh giá mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ hiệu quả.

Về dữ liệu tính tỷ lệ an toàn vốn, NHNN cần xây dựng kho lưu trữ dữ liệu tập trung đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhằm thống nhất thông tin về đánh giá tài sản có rủi ro tín dụng trong toàn bộ hệ thống ngân hàng, giúp việc đánh giá rủi ro tín dụng đối với nhóm khách hàng trên trở nên minh bạch hơn và cũng giúp giảm thiểu chi phí hoạt động cho các ngân hàng thương mại.

Trong bối cảnh bất ổn về kinh tế hiện nay, sự ổn định tài chính của hệ thống ngân hàng có ý nghĩa rất quan trọng. Đây là tiền đề để hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 theo tinh thần của Nghị quyết số 136/NQ-CP của Chính phủ. Việc tài trợ cho các dự án xanh cũng đặt ra không ít khó khăn cho các ngân hàng. Do vậy, các đề tài tương lai có thể nghiên cứu về mối quan hệ giữa kiểm soát thanh khoản, cơ cấu vốn tối ưu và kiểm soát rủi ro môi trường bằng các phương pháp ước lượng nâng cao. Ngoài ra, đề tài nghiên cứu còn vướng hạn chế về việc thu thập dữ liệu năm 2025 để đánh giá mức độ thanh khoản và quản lý nguồn vốn của Agribank - ngân hàng có vốn Nhà nước lớn nhất trong nhóm “Big 4”, làm cho bức tranh thanh khoản và quản lý nguồn vốn chưa trọn vẹn. Vì thế, nghiên cứu tiếp theo có thể phân tích và đánh giá chuyên sâu về mức độ thanh khoản và quản lý

nguồn vốn của ngân hàng này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] T. T. M. Thành, "Xu hướng lạm phát thế giới: Tác động và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam," *Tạp chí Kinh tế - Tài chính*, 2024.
- [2] A. Minh, "www.chinhphu.vn," Báo Điện tử Chính phủ, 18 04 2025. [Online]. Available: <https://baochinhphu.vn/vietinbank-buoc-vao-giai-doan-tang-toc-doi-moi-chuyen-doi-phat-trien-ben-vung-102250418194331895.htm>. [Accessed 2026 04 11].
- [3] T. H. Vu, "LDRuidity coverage ratio and profitability: an inverted U-shaped pattern," *Cogent Economics & Finance*, vol. 12, no. 1, 2024.
- [4] ViettinBank, "www.vietinbank.vn," [Online]. Available: <https://investor.vietinbank.vn/vi/download.aspx/-/categories/471001>. [Accessed 10 04 2026].
- [5] N. X. Phúc, "www.chinhphu.vn," 25 09 2020. [Online]. Available: <https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=201074>. [Accessed 08 04 2026].
- [6] N. T. Hồng, "congbao.chinhphu.vn," 15 11 2019. [Online]. Available: <https://congbao.chinhphu.vn/van-ban/thong-tu-so-22-2019-tt-nhnn-30003.htm>. [Accessed 01 04 2026].
- [7] Đ. T. Sơn, "www.chinhphu.vn," 31 12 2022. [Online]. Available: <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=207447&classid=1&orggroupid=4>. [Accessed 02 04 2026].
- [8] Đ. T. Sơn, "www.chinhphu.vn," 29 12 2023. [Online]. Available: <https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=209488>. [Accessed 25 03 2026].
- [9] N. Đ. Tiên, "www.chinhphu.vn," 30 12 2023. [Online]. Available: <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=188256>. [Accessed 20 03 2026].